

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: Số B, phố L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo uỷ quyền cho A: Ông Từ Bá T - Giám đốc A chi nhánh huyện C tỉnh Trà Vinh, theo văn bản uỷ quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 do Tổng Giám đốc A uỷ quyền.

Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết S có trách nhiệm trả số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày 14 tháng 4 năm 2025 là 4.876.079.913 đồng (*Bốn tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm mười ba đồng*). Trong đó vốn gốc là: 840.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.668.383.371 đồng, lãi quá hạn: 1.207.696.542 đồng.

Kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng số 334585155/HĐTD ký ngày 26/3/2009 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Phạm Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp, bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Phạm Văn Đ không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C thì bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Phạm Văn Đ đồng ý cho Ngân hàng N yêu cầu phát mãi các tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 334585155/HĐTC ngày 26/03/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 334585155/TSTL ngày 26/03/2009 để thanh toán nợ cho Ngân hàng, cụ thể là: Quyền sử dụng đất các thửa đất số: 1424, 1455, 1461, 1463, 2026; Cùng tờ bản đồ số: 03; Diện tích: 9.650m² ; Mục đích sử dụng đất: ONT-LNQ, LUC; Thời hạn sử dụng đất: Ổn định; Các thửa đất cùng tọa lạc tại: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Và 01 Sà lan tự hành; Số đăng ký: TV-2583; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, số: 683/ĐK, Cơ quan cấp: Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh T, cấp ngày 20/04/2009 để thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

Về án phí: Tòa án có giải thích cho các đương sự nghĩa vụ chịu nộp án phí.

Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu nộp là: 56.438.040 đồng (*năm mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi đồng*).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.853.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008962 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- CCTHA dân sự huyện Cầu Kè;
- Lưu Hs, Vp.

THẨM PHÁN

Dương Thị Trúc Linh